Vũ Thị Thu Cúc
Giờ ký: 2017.05.10 16:20:36 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1303 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục mua sắm tài sản tập trung đợt 1 năm 2017 tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; số 34/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp quốc gia; số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 14/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 công bố danh mục mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 2124/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 về việc ban hành Quy chế tổ chức mua sắm tài sản tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 2989/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 121/TTr-STC ngày 26/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục mua sắm tài sản tập trung đợt 1 năm 2017 tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

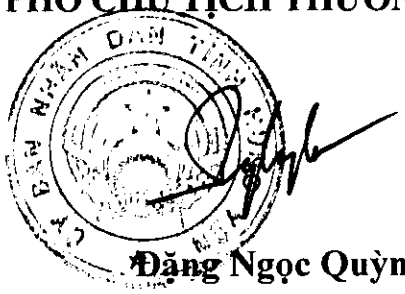
- Máy tính để bàn: 797 bộ.
- Máy tính xách tay: 324 chiếc.
- Máy in: 416 chiếc.
- Máy photocopy: 52 chiếc.
- Máy scan: 184 chiếc.
- Máy điều hòa nhiệt độ: 448 bộ.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT; TH[NA].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Ngọc Quỳnh

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số 1363 /QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
A	**MÁY TÍNH ĐỂ BÀN**	**Bộ**	**797**
1	**Cấu hình 1: Máy vi tính đồng bộ để bàn** Bộ vi xử lý: Intel® Celeron® Processor G3930 2.90 GHz 2M Cache, Bộ nhớ (RAM):4GB DDR4 bus 2400Mhz; Ổ cứng:500Gb 7200RPM 3.5" SATA3 Chipset:Intel® H110 Express Chipset; Supports 4th Generation Intel® Core™ processors Support for Intel® Core™ i7 processors/Intel® Core™ i5 processors/Intel® Core™ i3 processors/Intel® Pentium® processors/Intel® Celeron® processors in the LGA1151 package. *Support 2 x DIMM, Max. 16GB, DDR4 Un-Buffered Memory Dual Channel *Support for DDR4 2133MHz memory modules. Support for non-ECC memory modules. Giao tiếp kết nối I/O posts 2 x PS/2 keyboard/mouse , 1 x D-Sub, 1 x RJ45 Port, 2x USB 3.0, 2 x USB 2.0, 3 x Audio Jacks Khe cắm mở rộng:1 x PCI Express 16x, 2 x PCI; Cạc màn hình:Intel HD Graphic; Cạc âm thanh:Integrated 7.1-channel audio CODEC Giao tiếp mạng:Integrated Gigabit LAN controller Vỏ máy và nguồn: m-Tower case (PSU 450W) Màn hình: LED 18.5" Wide LCD 18.5" LED (Kính thước: 18.5", Độ phân giải: 1600 x 900,Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1, Góc nhìn: 170°/160°, Số màu hiển thị: 16.7M – Màn hình sử dụng công nghệ ABL Bàn phím: Standard Keyboard; Chuột: 2-button Mouse Optical Tiêu chuẩn chất lượng Máy tính thương hiệu Việt Nam được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp đạt tiêu chuẩn (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; ISO 17025:2005) Bảo hành: 24 tháng **Lưu điện 500VA** Điện áp: 110/120 VAC hoặc 220/230/240 VAC Dải điện áp: 81~145 VAC hoặc 162 ~ 290VAC Tần số: 50Hz hoặc 60Hz Điều chỉnh điện áp: (chế độ Battery) ±10% Thời gian chuyển mạch: 2-6ms Pin 12V/4.5Ah x 1 Thời gian lưu (PC) lên đến 18 phút; Thời gian nạp : 4h đạt 90% dung lượng Bảo hành: 24 tháng	**Bộ**	**136**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
2	**Cấu hình 2: Máy vi tính đồng bộ để bàn** Bộ vi xử lý : Intel® Pentium® Processor G4400 (3M Cache, 3.30 GHz) Bộ nhớ(RAM) 4GB DDR4 bus 2400Mhz Ổ cứng 500GB 7200RPM 3.5" SATA3 Chipset Intel® H110 Express Chipset Supports 4th Generation Intel® Core™ processors Support for Intel® Core™ i7 processors/Intel® Core™ i5 processors/Intel® Core™ i3 processors/Intel® Pentium® processors/Intel® Celeron® processors in the LGA1151 package. Support 4 x DIMM, Max. 16GB, DDR4 Un-Buffered Memory Dual Channel Support for DDR4 2133MHz memory modules, Support for non-ECC memory modules. Giao tiếp kết nối 2 x PS/2 keyboard/mouse , 1 x D-Sub, 1 x RJ45 Port, 2x USB 3.0, 2 x USB 2.0, 3 x Audio Jacks, 01 HDMI, 01 x DVI Khe cắm mở rộng 1 slot x PCI Express 16x, 2 slot x PCI Cạc màn hình Integrated Intel® HD Graphics Cạc âm thanh Integrated 7.1-channel audio CODEC Giao tiếp mạng Integrated Gigabit LAN controller Vỏ máy và nguồn m-Tower case (PSU 450W) Màn hình LED 18.5" Wide LCD 18.5" LED (Kính thước: 18.5", Độ phân giải: 1600 x 900,Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1, Góc nhìn: 170°/160°, Số màu hiển thị: 16.7M – Màn hình sử dụng công nghệ ABL Màn hình máy tính đồng bộ với thương hiệu của hãng sản xuất máy tính Bàn phím Standard Keyboard Chuột 2-button Mouse Optical Tiêu chuẩn chất lượng Máy tính thương hiệu Việt Nam được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp đạt tiêu chuẩn (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; ISO 17025:2005; TCVN 9508:2012) Bảo hành: 24 tháng **Lưu điện 500VA** Điện áp: 110/120 VAC hoặc 220/230/240 VAC Dải điện áp: 81~145 VAC hoặc 162 ~ 290VAC Tần số: 50Hz hoặc 60Hz Điều chỉnh điện áp: (chế độ Battery) ±10% Thời gian chuyển mạch: 2-6ms Pin 12V/4.5Ah x 1 Thời gian lưu (PC) lên đến 18 phút Thời gian nạp : 4h đạt 90% dung lượng Bảo hành: 24 tháng	**Bộ**	**170**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
3	**Cấu hình 3: Máy vi tính đồng bộ để bàn** Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-7100 Processor (3.90 GHz/3MB) Bộ nhớ(RAM) 4GB DDR4 bus 2400Mhz Ổ cứng 500GB 7200RPM 3.5" SATA3 Chipset Intel® H110 Express Chipset Supports 4th Generation Intel® Core™ processors Support for Intel® Core™ i7 processors/Intel® Core™ i5 processors/Intel® Core™ i3 processors/Intel® Pentium® processors. Support 4 x DIMM, Max 32GB, DDR4 Un-Buffered Memory Dual Channel Support for DDR4 2133MHz memory modules, Support for non-ECC memory modules. Giao tiếp kết nối 2 x PS/2 keyboard/mouse , 1 x D-Sub, 1 x RJ45 Port, 2x USB 3.0, 2 x USB 2.0, 3 x Audio Jacks, 01 HDMI, 01 x DVI Khe cắm mở rộng 1 slot x PCI Express 16x, 2 slot x PCI Cạc màn hình Integrated Intel® HD Graphics Cạc âm thanh Integrated 7.1-channel audio CODEC Giao tiếp mạngIntegrated Gigabit LAN controller Vỏ máy và nguồn m-Tower case (PSU 450W) Màn hình LED 18.5" Wide LCD 18.5" LED (Kính thước: 18.5", Độ phân giải: 1600 x 900,Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1, Góc nhìn: 170°/160°, Số màu hiển thị: 16.7M – Màn hình sử dụng công nghệ ABL Màn hình máy tính đồng bộ với thương hiệu của hãng sản xuất máy tính Bàn phím Standard Keyboard Chuột 2-button Mouse Optical Tiêu chuẩn chất lượng Máy tính thương hiệu Việt Nam được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp đạt tiêu chuẩn (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; ISO 17025:2005; TCVN 9508:2012) Bảo hành: 24 tháng **Lưu điện 500VA** Điện áp: 110/120 VAC hoặc 220/230/240 VAC Dải điện áp: 81~145 VAC hoặc 162 ~ 290VAC Tần số: 50Hz hoặc 60Hz Điều chỉnh điện áp: (chế độ Battery) ±10% Thời gian chuyển mạch: 2-6ms Pin 12V/4.5Ah x 1 Thời gian lưu (PC) lên đến 18 phút Thời gian nạp : 4h đạt 90% dung lượng Bảo hành: 24 tháng	**Bộ**	**116**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
4	**Cấu hình 4: Máy vi tính để bàn đồng bộ** Bộ vi xử lý Intel® Core™ i3-7100 Processor (3.90 GHz/3MB) Bộ nhớ(RAM) 4GB DDR4 bus 2400Mhz Ổ cứng 1TB 7200RPM 3.5" SATA3 Chipset Intel® H110 Express Chipset Supports 4th Generation Intel® Core™ processors Support for Intel® Core™ i7 processors/Intel® Core™ i5 processors/Intel® Core™ i3 processors/Intel® Pentium® processors/Intel® Celeron® processors in the LGA1151 package. Support 4 x DIMM, Max 32GB, DDR4 Un-Buffered Memory Dual Channel Support for DDR4 2133MHz memory modules, Support for non-ECC memory modules. Giao tiếp kết nối 2 x PS/2 keyboard/mouse , 1 x D-Sub, 1 x RJ45 Port, 2x USB 3.0, 2 x USB 2.0, 3 x Audio Jacks, 01 HDMI, 01 x DVI Khe cắm mở rộng 1 slot x PCI Express 16x, 2 slot x PCI Cạc màn hình Integrated Intel® HD Graphics Cạc âm thanh Integrated 7.1-channel audio CODEC Giao tiếp mạngIntegrated Gigabit LAN controller Vỏ máy và nguồn m-Tower case (PSU 450W) Màn hình T LED 18.5" Wide LCD 18.5" LED (Kính thước: 18.5", Độ phân giải: 1600 x 900,Thời gian đáp ứng: 5ms, Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1, Góc nhìn: 170°/160°, Số màu hiển thị: 16.7M – Màn hình sử dụng công nghệ ABL Màn hình máy tính đồng bộ với thương hiệu của hãng sản xuất máy tính Bàn phím Standard Keyboard Chuột 2-button Mouse Optical Tiêu chuẩn chất lượng Máy tính thương hiệu Việt Nam được sản xuất trên dây chuyền công nghiệp đạt tiêu chuẩn (ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; ISO 17025:2005; TCVN 9508:2012) Bảo hành: 24 tháng **Lưu điện 500VA** Điện áp: 110/120 VAC hoặc 220/230/240 VAC Dải điện áp: 81~145 VAC hoặc 162 ~ 290VAC Tần số: 50Hz hoặc 60Hz Điều chỉnh điện áp: (chế độ Battery) ±10% Thời gian chuyển mạch: 2-6ms Pin 12V/4.5Ah x 1 Thời gian lưu (PC) lên đến 18 phút Thời gian nạp : 4h đạt 90% dung lượng Bảo hành: 24 tháng	**Bộ**	**375**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
B	**MÁY TÍNH XÁCH TAY**	**Chiếc**	**324**
1	**Cấu hình 1: Máy tính xách tay** Bộ vi xử lý Intel Core i3-5005U 2.0GHz, bộ nhớ trong 4GB DDR3L 1600MHz, ổ cứng 1TB 5400rpm, ổ đĩa quang Super Multi-Dual, màn hình 14 inch HD Glare 1366x768, cạc đồ họa Intel HD Graphics 5500, kết nối Wireless IEEE 802.11b/g/n, LAN 10/100/1000 Base T, Blutooth v4.0, mouse cảm ứng đa điểm, kết nối USB 2.0, 3.0, HDMI/VGA, Web camera, dung lượng pin 2Cell 37WHrs, 2.1kg Bảo hành : 12 tháng cho máy và pin	**chiếc**	**199**
2	**Cấu hình 2: Máy tính xách tay** Bộ vi xử lý Intel Core i3-6100U 2.3GHz, bộ nhớ trong 4GB DDR4, ổ cứng 500GB 5400rpm, ổ đĩa quang Super Multi-Dual, màn hình 15.6 inch HD Glare 1366x768, cạc đồ họa Intel HD Graphics 520, kết nối Wireless IEEE 802.11b/g/n, LAN 10/100/1000 Base T, Blutooth v4.0, mouse cảm ứng đa điểm, kết nối USB 2.0, 3.0, HDMI/VGA, Web camera, dung lượng pin 3Cell 36WHrs 2.0kg Bảo hành: 12 tháng cho máy và pin	**chiếc**	**19**
3	**Cấu hình 3: Máy tính xách tay** Bộ vi xử lý Intel Core i3-7100U (Dual Core, 2.4GHz, 3MB cache) / Màn hình:15.6 inch Non-Touch HD (1366x768) Anti-Glare LCD/Bộ nhớ trong: 4GB (1x4GB) 1600MHz DDR3L Memory/ Ổ cứng:1TB (7,200 Rpm) Serial ATA Hard Drive/ Primary 4-cell 40W/HR Battery/ 45 Watt AC Adaptor Bảo hành: 12 tháng cho máy và pin	**chiếc**	**106**
C	**MÁY IN**	**Chiếc**	**416**
1	**Cấu hình 1: Máy in laser khổ A4** Máy in laser đơn sắc tích hợp đảo mặt Công nghệ in ấn: In laser khổ A4 Tốc độ in: 26 trang/ phút Tốc độ bản in đầu: 8.5 giây Bộ nhớ: 32 MB Bộ vi xử lý: 266 MHz Công suất vận hành tối đa: 10,000 trang/ tháng In hai mặt: tự động Độ phân giải: 2400 x 600 dpi Khay giấy (với giấy 80gms): Khay tiêu chuẩn: 250 tờ Khay tay: 1 tờ Khay giấy ra (với giấy 80gms): 100 tờ Kết nối USB 2.0. Bảo hành: 12 tháng cho máy và hộp mực (Điều kiện bảo hành hộp mực: Chưa thay thế linh kiện và đổ mực)	**chiếc**	**153**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
2	**Cấu hình 2: Máy in Laze khổ A4** Máy in laser đơn sắc khổ A4 tích hợp đảo mặt, in mạng; in wifi Công nghệ in ấn: In laser khổ A4 Tốc độ in: 30trang/ phút; Tốc độ bản in đầu: 8.5 giây Bộ nhớ: 32 MB; Bộ xử lý: 266 MHz Công suất vận hành tối đa: 10,000 trang/ tháng In hai mặt: tự động; Độ phân giải: 2400 x 600 dpi Khay giấy (với giấy 80gms): Khay tiêu chuẩn: 250 tờ Khay tay: 1 tờ Khay giấy ra (với giấy 80gms): 100 tờ Kết nối/ Hệ điều hành Kết nối: USB 2.0, Kết nối mạng, 10Base-T/100Base-TX, Kết nối wifi IEEE802.11b/g Tính năng: AirPrint/ GoogleCloud Có hệ thống quản lý in ấn Bảo hành: 12 tháng cho máy và hộp mực (Điều kiện bảo hành hộp mực: Chưa thay thế linh kiện và đổ mực)	**chiếc**	**118**
3	**Cấu hình 3: Máy in Laze khổ A4** Chức năng in Lên đến 28 trang/phút; Tốc độ in hai mặt tối đa 18 ipm; Bộ nhớ 256MB Khay nạp giấy 250 tờ, khay ưu tiên 10 tờ Dung lượng giấy đầu vào lên đến 260 tờ Dung lượng giấy đầu ra lên đến 150 tờ Khổ giấy A4: A5: B5: A6 Trang ra đầu tiên 6,7 giây Công suất in lên đến 30.000 trang công nghệ in Laser Độ phân giải 1200 x 1200 dpi Tốc độ bộ sử lý 800 MHz Ngôn ngữ PCL5c; PCL6; PS; PCLm; PDF; URF; PWG Màn hình LED Quản lý bảo mật Embedded Web server mạng được bảo vệ bằng mật khẩu; kích hoạt/ngắt kích hoạt các cổng Mạng; Thay đổi mật khẩu cộng đồng SNMPv1 phông chữ và kiểu chữ 84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước Có khả năng HP eprint 1 USB 2.0 Tốc độ Cao; 1 mạng Ethernet 10/100; Điện áp đầu vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 60 Hz/50 Hz, 3,1 A Bảo hành: 12 tháng cho máy và hộp mực (Điều kiện bảo hành hộp mực: Chưa thay thế linh kiện và đổ mực)	**Chiếc**	**145**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
D	**MÁY PHOTOCOPY**	**Chiếc**	**52**
1	**Cấu hình 1: Máy photocopy** Tốc độ: 20 trang/phút; Bộ nạp và đảo bản gốc tự động; Bộ đảo bản sao; Bộ nhớ: 256 MB Độ phân giải quét: 600x600 dpi; Độ phân giải in: 600x600 dpi Thời gian khởi động: 19 giây; Thời gian chụp bản đầu tiên: 7.4 giây Định lượng giấy: Chuẩn khay 1: 250 tờ , Khay tay: 100 tờ; Sức chứa khay giấy ra: 250 tờ Nguồnđiện: AC220-240V +/- 10%,6A,50/60Hz phổ biến. Chức năng in Độ phân giải in: 600 x 600 dpi Ngôn ngữ in: Chuẩn : HBPL (Ngôn ngữ in tùy thuộc vào máy chủ) Kế nối: Chuẩn: USB 2.0 ,Ethernet 100 BASE-TX/ 10 BASE – T Chức năng quét Tốc độ quét: Trắng đen: 23 trang/phút, Màu:23 trang/ phút(200dpi) Kết nối: USB 2.0 Độ phân giải: Đem trắng: 600x600dpi, 400x400dpi, 300x300dpi, 200x200 dpi. Màu: 400x400 dpi, 300x300 dpi, 200x200 dpi Trọng lượng: 33kg Bảo hành 12 tháng hoặc 50.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước	**Chiếc**	**8**
2	**Cấu hình 2: Máy Photocopy** Tốc độ: 25 trang/phút; Bộ nạp và đảo bản gốc tự động; Bộ đảo bản sao; Bộ nhớ: 512 MB Độ phân giải quét: 600x600 dpi; Độ phân giải in: 600x600 dpi Thời gian khởi động: 9 giây; Thời gian chụp bản đầu tiên: 6.5 giây Định lượng giấy: Chuẩn khay 1: 250 tờ , Khay tay: 100 tờ Sức chứa khay giấy ra: 250 tờ Nguồn điện: AC220-240V +/- 10%,6A,50/60Hz phổ biến. **Chức năng in** Độ phân giải in: 600 x 600 dpi Ngôn ngữ in: Chuẩn : HBPL (Ngôn ngữ in tùy thuộc vào máy chủ) Kế nối: Chuẩn: USB 2.0 ,Ethernet 100 BASE-TX/ 10 BASE – T **Chức năng quét** Tốc độ quét: Trắng đen: 28 trang/phút, Màu:28 trang/ phút(200dpi) Kết nối: USB 2.0, Ethernet 100BASE-TX/10 BASE – T Độ phân giải: Đen trắng/Màu : 600x600dpi, 400x400dpi, 300x300dpi, 200x200 dpi Bảo hành 12 tháng hoặc 60.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước	**chiếc**	**8**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
3	**Cấu hình 3: Máy Photocopy tốc độ cao** Chức năng chuẩn: **Copy, In mạng** Màn hình điều khiển cảm ứng LCD màu; Khổ giấy sao chụp: A3 - A5; Tốc độ copy: 25 trang A4/phút Bộ nhớ chuẩn: 4GB; Tự động nạp và đảo mặt bản gốc với DADF (110tờ) Tự động đảo hai mặt bản sao (Duplex): có sẵn. Độ phân giải Copy: 600 x 600dpi; Khả năng phóng thu từ 25% - 400% (tăng giảm từng 1%) Sao chụp liên tục từ 1 - 999 tờ; Thời gian khởi động: 14 giây hoặc ít hơn; Thời gian cho ra bản sao đầu tiên: 4.2 giây hoặc ít hơn. Khay chứa giấy: Khay ngăn kéo: 500 tờ x 02khay (định lượng 60 đến 105gsm); Khay giấy tay: 96 tờ (định lượng 60 đến 216gsm). Kích thước: R 590 x S 659 x C 768 mm .. Nguồn điện: AC220-240 V +/- 10 %, 8 A, 50/60 Hz; Điện năng tiêu thụ: 240V: 1.920W hoặc ít hơn Chức năng in laser đen trắng, in qua mạng: Tốc độ in: 25 trang A4/phút. Độ phân giải in: 600 x 600dpi, 1200 x 1200dpi; - In hai mặt tự động khổ giấy A3 - A4 Tương thích hệ điều hành: Windows 2000/XP/Vista/7/ server 2003/ server 2008. Cổng giao tiếp với máy tính: USB 2.0 + RJ-45 (cổng mạng). Bảo hành 12 tháng hoặc 80.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước	**chiếc**	**12**
4	**Cấu hình 4: Máy Photocopy tốc độ cao** Chức năng chuẩn: **Copy, In mạng** Màn hình điều khiển cảm ứng LCD màu; Khổ giấy sao chụp: A3 - A5; Tốc độ copy: 35 trang A4/phút Bộ nhớ chuẩn: 4GB; Tự động nạp và đảo mặt bản gốc với DADF (110tờ); Tự động đảo hai mặt bản sao (Duplex): có sẵn; Độ phân giải Copy: 600 x 600dpi Khả năng phóng thu từ 25% - 400% (tăng giảm từng 1%); Sao chụp liên tục từ 1 - 999 tờ Thời gian khởi động: 14 giây hoặc ít hơn; Thời gian cho ra bản sao đầu tiên: 4.2 giây hoặc ít hơn. Khay chứa giấy: Khay ngăn kéo: 500 tờ x 02khay (định lượng 60 đến 105gsm); Khay giấy tay: 96 tờ (định lượng 60 đến 216gsm) Kích thước: R 590 x S 659 x C 768 mm . Nguồn điện: AC220-240 V +/- 10 %, 8 A, 50/60 Hz Điện năng tiêu thụ: 240V: 1.920W hoặc ít hơn. **Chức năng in laser đen trắng, in qua mạng:** - Tốc độ in: 35 trang A4/phút. - Độ phân giải in: 600 x 600dpi, 1200 x 1200dpi. - In hai mặt tự động khổ giấy A3 – A4. - Tương thích hệ điều hành: Windows 2000/XP/Vista/7/ server 2003/ server 2008. - Cổng giao tiếp với máy tính: USB 2.0 + RJ-45 (cổng mạng). Bảo hành 12 tháng hoặc 100.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước	**chiếc**	**10**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
5	**Cấu hình 5: Máy Photocopy tốc độ cao** **Chức năng Copy** Tốc độ copy: 45 bản /phút; Khổ giấy: A5/A4/A3 – Postcard – Envelope; Độ phân giải: 600 x 600dpi - Bộ nhớ: 4G; Tỷ lệ thu/phóng: 25 % - 400%; Sao chụp liên tục: 999 bản - Bộ phận tự động nạp và đảo bản gốc; Bộ phận tự động đảo bản sao; Bộ phận tự động chia bản chụp điện tử - Trữ lượng giấy: 500 tờ x 2 khay + 95 tờ cho Khay tay *** Chức năng in:** - Tốc độ (A4): 45 trang/phút - Độ phân giải: Chuẩn: 600 x 600dpi (mặc định), Cao: 1200 x 1200dpi - Ngôn ngữ in: Chuẩn: PCL5, PCL6; Chọn thêm: Adobe® PostScript® 3TM - Cổng kết nối: Chuẩn: Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T, USB2.0. Chọn thêm: 1000BASE-T Bảo hành 12 tháng hoặc 100.000 bản chụp tùy theo điều kiện nào đến trước	**chiếc**	**14**
E	**MÁY SCAN**	**Chiếc**	**184**
1	**Cấu hình 1: Máy scan** Loại máy quét: Máy quét mặt kính phẳng Phương pháp quét: CIS (Bộ cảm biến ảnh trực tiếp); Nguồn sáng: Nguồn sáng LED 3 màu (RGB) Độ phân giải quang học*1: 4800 x 4800dpi; Độ phân giải lựa chọn*2: 25 - 19200dpi Chiều sâu bit màu quét; Đơn sắc: Màu nhập 16-bitMàu ra 8 bit; Bản màu: Màu nhập 48-bit (16 bit mỗi màu) Màu ra 48 hoặc 24 bit (16 hoặc 8 bit cho mỗi màu) Tốc độ quét xem trước *3 Xấp xỉ 14 giây; Tốc độ quét*4 Bản màu khổ A4 độ phân giải 300dpi Xấp xỉ 10 giây Tốc độ quét đường*5 (Reflective) Bản đơn sắc, đen trắng: 4800dpi; 11,1 miligiây/đường 2400dpi: 5,6 miligiây/đường: 1200dpi: 2,8 miligiây/đường: 600dpi: 1,4 miligiây/đường: 300dpi: 2,2 miligiây/đường Bản màu: 4800dpi: 33,2 miligiây/đường 2400dpi: 16,7 miligiây/đường 1200dpi: 8,4 miligiây/đường 600dpi: 4,3 miligiây/đường 300dpi: 2,2 miligiây/đường Khổ bản gốc tối đa: A4, LTR: 216 x 297mm Các phím nhấn máy quét (phím EZ) 5 phím (PDF x 2, AUTOSCAN, COPY, SEND) Kết nối giao tiếp mạng: USB 2.0 tốc độ cao	**chiếc**	**184**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
	Môi trường vận hành Nhiệt độ: 5 - 35°C Độ ẩm: 10 - 90% RH (không ngưng tụ sương) Nguồn điện: Cấp qua cổng nối USB Tiêu thụ điện: Tiêu thụ điện tối đa khi đang vận hành, Xấp xỉ 2,5W, khi ở chế độ chờ, Xấp xỉ 1,4W, Khi TẮT, Xấp xỉ 11mW Môi trường Quy tắc: RoHS (EU, China), WEEE (EU) Chương trình nhãn sinh thái: Chương trình ngôi sao năng lượng Kích thước (W x D x H): 250 × 365 × 39mm Trọng lượng: Xấp xỉ 1,6kg Bảo hành: 12 tháng		
F	**MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ**	**Bộ**	**448**
1	**Cấu hình 1: Điều hòa nhiệt độ 9000 BTU 1 chiều thường** 1.Thông số cơ bản : - Công suất định mức : 8.800 BTU/h; Công suất tiêu thụ định mức : 950w - Dòng điện định mức: 4.4A; Nguồn điện: 220-240/1/50 - Môi chất lạnh : R410A - Lưu lượng gió : 580m3/h - Độ ồn : 2. Dàn lạnh : - Kích thước máy : 750x285x200mm - Kích thước bao bì : 820x347x277mm - Khối lượng tịnh : 8.5kg 3. Dàn nóng : - Lưu lượng gió : 1.350m3/h - Kích thước máy : 700x500x225mm - Kích thước bao bì : 820x330x550mm - Khối lượng tịnh : 25kg 4. Ống nối : - Ống lỏng : 6.35mm - Ống gas : 9.52mm - Độ dài ống tối đa : 10m - Cao độ tối đa : 5m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**20**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
2	**Cấu hình 2: Điều hòa nhiệt độ 12000 BTU 1 chiều thường** 1.Thông số cơ bản : - Công suất định mức : 11.600BTU/h - Công suất tiêu thụ định mức : 1.200w - Dòng điện định mức :5.5A - Nguồn điện : 220-240/1/50 - Môi chất lạnh : R410A - Lưu lượng gió : 550m3/h - Độ ồn : 40/52DB(A) 2. Dàn lạnh : - Kích thước máy : 750x285x200mm - Kích thước bao bì : 820x347x277mm - Khối lượng tịnh : 8.5kg 3. Dàn nóng : - Lưu lượng gió : 1.650m3/h - Kích thước máy : 720x540x260mm - Kích thước bao bì : 850x370x620mm - Khối lượng tịnh : 28kg 4. Ống nối : - Ống lỏng : 6.35mm - Ống gas : 12.7mm - Độ dàiống tốiđa : 10m - Cao độ tốiđa : 5m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**154**
3	**Cấu hình 3: Điều hòa nhiệt độ 12000 BTU 1 chiều** Kiểu dáng: Loại treo tường Kiểu máy:1 chiều Công suất làm lạnh:12.000 BTU Điện năng tiêu thụ:1100w Khả năng hút ẩm:2.1 lít/h EER [Btu/hW]:10.6 Kích thước cục lạnh (RxSxC):290 x 850 x 199mm Kích thước cục nóng (RxSxC):542 x 780 x 280 Trọng lượng cục lạnh:8 kg Trọng lượng cục nóng:29kg Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**28**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
4	**Cấu hình 4: Điều hòa nhiệt độ 18000BTU 1 chiều thường** **Thông số cơ bản :** - Công suất định mức : 17.700BTU/h - Công suất tiêu thụ định mức : 1.900w - Dòng điện định mức : 8.8A - Nguồn điện : 220-240/1/50 - Môi chất lạnh : R410A - Lưu lượng gió : 880m3/h - Độ ồn : 46/52DB(A) **Dàn lạnh :** - Kích thước máy : 900x310x225mm - Kích thước bao bì : 950x380x290mm - Khối lượng tịnh : 12kg **Dàn nóng** : - Lưu lượng gió : 2.200m3/h - Kích thước máy : 802x535x298mm - Kích thước bao bì : 840x360x620mm - Khối lượng tịnh : 37kg **Ống nối :** - Ống lỏng : 6.35mm - Ống gas : 12.7mm - Độ dài ống tối đa : 10m - Cao độ tối đa : 5m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**115**
5	**Cấu hình 5: Điều hòa nhiệt độ 18000BTU 1 chiều** Loại: Điều hòa 1 chiều Công suất làm lạnh:18400BTU Công suất tiêu thụ:1750W Kính thước cục nóng:619*824*299 Kính thước cục lanh:290*1070*240 Tính năng: Chế độ khử ẩm nhẹ Điều khiển hướng gió thổi Điều khiển hướng gió bằng tay Chế độ hoạt động tự động Màng lọc kháng khuẩn Chức năng loại bỏ mùi khó chịu Mặt máy tháo ra và rửa được Hẹn bật tắt 24h. Dàn tản nhiệt mầu xanh Cổng bảo trì ở phía trên Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**5**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
6	**Cấu hình 6: Điều hòa nhiệt độ 18000BTU 2 chiều inverter** Kiểu dáng: Loại treo tường Kiểu máy :2 chiều inverter Công suất làm lạnh:18.000 BTU Điện năng tiêu thụ:1490w/1650w Kích thước cục lạnh (RxSxC):296 x 1070 x 241 mm Kích thước cục nóng (RxSxC):695 x 875 x 320 mm Trọng lượng cục lạnh:12kg Trọng lượng cục nóng:45kg Các tính năng khác:Chế độ iAUTO-X làm lạnh nhanh hơn 35% Công nghệ ECONAVI và INVERTER kết hợp hoàn hảo tiết kiệm đến 65 % điện năng Công nghệ nanoe-G vô hiệu hóa 99% vi khuẩn Công suất làm lạnh/sưởi ấm: 17700/21700 (Btu/h) Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm dầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**2**
7	**Cấu hình 7: Điều hòa nhiệt độ 24000BTU 1 chiều thường** **Thông số cơ bản** : - Công suất định mức: 23.000BTU/h; Công suất tiêu thụ định mức : 2.450w - Dòng điện định mức: 11.5A; Nguồn điện: 220-240/1/50 - Môi chất lạnh : R410A - Lưu lượng gió : 1.150m3/h - Độ ồn : 48/61DB(A) **Dàn lạnh :** - Kích thước máy : 1.082x330x233mm - Kích thước bao bì : 1.130x395x300mm - Khối lượng tịnh : 14kg **Dàn nóng :** - Lưu lượng gió : 2.742m3/h - Kích thước máy : 800x690x300mm - Kích thước bao bì : 935x415x760mm - Khối lượng tịnh : 45kg **Ống nối :** - Ống lỏng : 6.35mm - Ống gas : 15.88mm - Độ dài ống tốiđa : 15m - Cao độ tối đa : 8m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**98**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
8	**Cấu hình 8: Điều hòa treo tường 24000 BTU 2 chiều inveter** **Thông số cơ bản:** - Công suất định mức: 24.000BTU/h; Công suất tiêu thụ định mức: 2.050(650-2.900) - Dòng điện tiêu thụ định mức: 9.0(3.5-13); Công suất tiêu thụ tối đa: 3.600w; Dòng điện tiêu thụ thụ tối đa: 16A - Nguồn điện : 220-240/1/50 - Môi chất lạnh : R410A; Áp suất nạp tối đa : 4.15Mpa; Áp suất dẫn tối đa : 1.15Mpa; Lưu lượng gió : 1.200m3/h - Độ ồn : 48dB(A) **Dàn lạnh :** - Lưu lượng gió: 1.150m3/h; Kích thước máy: 1.100x330x235mm; Kích thước bao bì: 1.160x400x305mm - Khối lượng tịnh: 16kg **Dàn nóng :** - Kích thước máy: 890x700x320mm; Kích thước bao bì : 1.020x770x430mm - Trọng lượng tịnh : 54kg **Ống:** - Ống lỏng: 6.35mm; Ống gas: 12.7mm - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	Bộ	14
9	**Cấu hình 9: Điều hòa tủ đứng 28.000 BTU 1 chiều thường** **Thông số cơ bản:** - Công suất định mức : 25.000BTU/h - Công suất tiêu thụ định mức : 2.100w - Dòng điện tiêu thụ định mức : 9.5A - Nguồn điện : 220-240/1/50 - Gas : R410A - Lưu lượng gió : 950m3/h - Độ ồn : 47dB(A) **Dàn lạnh:** - Lưu lượng gió : 950m3/h - Kích thước máy : 1.780x500x300mm - Kích thước bao bì : 1.890x690x450mm - Khối lượng tịnh : 32kg **Dàn nóng** - Lưu lượng gió : 2.700m3/h - Kích thước máy : 800x690x300mm - Kích thước bao bì : 940x750x420mm - Khối lượng tịnh : 44kg - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	Bộ	3

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
10	**Cấu hình 10: Điều hòa caset âm trần 28000BTU** **Thông số cơ bản:** - Công suất định mức: 28.000BTU/h; Nguồn điện: 220-240/1/52; Môi chất lạnh: R410A - Lưu lượng gió: 1.100/880/770m3/h; Độ ồn: 45/42/36dB(A) **Dàn lạnh :** - Công suất lạnh: 2.46kw; Dòngđiện: 11.59A; Kích thước máy: 835x835x240mm; Kích thước bao bì: 910x910x320mm - Khối lượng tịnh: 24kg; - Khối lượng bao bì: 27.5kg; Kích thước mặt: 1000x1000x100mm - Khối lượng mặt : 7kg **Dàn nóng :** - Độ ồn: 60dB(A); Kích thước máy: 800x300x690mm; Kích thước bao bì : 930x410x760mm - Khối lượng tịnh: 55kg; Khối lượng bao bì: 59kg **Ống nối :** - Ống lỏng: 9.52mm; Ống gas: 15.88mm; Độ dài ống tối đa: 30m; Cao độ tối đa: 15m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**2**
11	**Cấu hình 12: Điều hòa caset âm trần 36000BTU** **Thông số cơ bản:** - Công suất định mức: 36.000BTU/h; Nguồn điện: 380-415/3/50; Môi chất lạnh: R410A - Lưu lượng gió: 1.500/1200/1050m3/h; Độ ồn: 48/45/39dB(A) **Dàn lạnh:** - Công suất lạnh: 3.47kw; Dòng điện: 6.22A; Kích thước máy: 835x835x242mm; Kích thước bao bì: 910x910x322mm - Khối lượng tịnh: 24kg; Khối lượng bao bì: 27.5kg; Kích thước mặt: 1000x1000x100mm - Khối lượng mặt : 7kg **Dàn nóng:** - Độ ồn : 60dB(A) - Kích thước máy : 903x354x857mm - Kích thước bao bì : 1030x410x980mm - Khối lượng tịnh : 84kg - Khối lượng bao bì : 92kg **Ống nối:** - Ống lỏng : 9.52mm - Ống gas : 15.88mm - Độ dài ống tối đa : 50m - Cao độ tối đa : 30m - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**3**

STT	Cấu hình kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
12	**Cấu hình 13: Điều hòa tủ đứng 48000 BTU** 1.**Thông số cơ bản :** - Công suất định mức : 45.000BTU/h - Công suất tiêu thụ định mức : 4.650w - Dòng điện định mức : 8.1A - Nguồn điện : 380-415/3/50 - Gas : R410A - Lưu lượng gió : 1.800m3/h - Độ ồn : 52dB(A) 2. **Dàn lạnh :** - Lưu lượng gió : 1.800m3/h - Kích thước máy : 1.910x560x360mm - Kích thước bao bì : 2.020x680x510mm - Khối lượng tịnh : 53kg 3. **Dàn nóng :** - Lưu lượng gió : 5.800m3/h - Kích thước máy : 1.255x945x340mm - Kích thước bao bì : 1.300x1.085x430mm - Khối lượng tịnh : 98kg - Bảo hành: 1 đổi 1 trong 01 năm đầu sử dụng; 03 năm cho toàn bộ máy; 05 năm cho máy nén	**Bộ**	**2**
13	**Cấu hình 14: Điều hòa tủ đứng 48000 BTU** Công suất lạnh/sưởi :48000/0 (Btu/h); 5HP Điện nguồn: 380-415V~/3P/50Hz Điện năng tiêu thụ (lạnh/ sưởi): 4850/0W Dòng điện định mức (lanh/sưởi): 8.8/0A Hiệu suất năng lượng E.E.R(lạnh/sưởi): 2.9/0W/W Khử ẩm: 5.0 L/h Dàn lạnh: lưu thông gió (cao): 1700 m3/h Độ ồn (cao/thấp): 52/48dB/A Dàn nóng : Độ ồn: 61dB(A) Kích cỡ: Ống lỏng: φ9.52mm Bộ điều khiển từ xa: Loại không dây Bảo hành: 24 tháng cho toàn bộ máy	**Bộ**	**2**